

Bản án số: 88/2022/DS-PT

Ngày: 07/4/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lan Anh**

Các thẩm phán: **Bà Trần Thị Thu Nam**

Ông Vũ Toàn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương**- Thẩm tra viên Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà **Ngô Phương Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 403/202/TLPT-DS ngày 12/11/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân quận HĐ10, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 14/03/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: VHP1(Công ty VHP)

Địa chỉ: số 211, phố GN2, phường TĐ3, quận TX4, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **NTT5**- chức vụ: Tổng giám đốc. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **VXH6**, chức vụ: Phó Tổng giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 03/04GUQ.VHP ngày 12/4/2014). *Có mặt.*

Bị đơn: Anh **LVT7**, sinh năm 1976. *Vắng mặt.*

HKTT: Số 14, đường GC8, tổ dân phố 6, phường YN9, quận HĐ10, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **PTMH11**, sinh năm 1971. *Vắng mặt.*

Trú tại: Số 36, ngách 01/34 ngõ 1 KT12, phường KT12, quận ĐĐ13, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của VHP1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông VXH6 trình bày:

Ngày 27/4/2011 ông VXH6, Tổng Giám đốc VHP1 cùng bà PTMH11, kế toán Công ty ký hợp đồng cầm tiền với nội dung: bà PTMH11 cầm 300.000.000 đồng của Công ty để cho anh LVT7 vay. Bà H11 và Công ty đòi được của anh T7 thì Bà H11 phải trả lại đầy đủ cả gốc và lãi cho Công ty. Bà H11 cam kết phải kết hợp cùng Công ty khởi kiện để thu hồi nợ cho Công ty. Hợp đồng này thay giấy ủy quyền của bà PTMH11 ủy quyền cho Công ty Vũ Hùng Phát, người đại diện là ông VXH6 được toàn quyền thay Bà H11 làm việc với cơ quan pháp luật, để lấy lại số tiền, mà Bà H11 cầm tiền của Công ty cho anh T7 vay.

Ngày 27/4/2011 anh LVT7 đến Công ty hợp tác quốc tế thương mại Thăng Long (nay là Công ty TNHH Vũ Hùng Phát) ký hợp đồng thuê xe ô tô tự lái số 25/HĐTXÔTTL, thời hạn thuê là 10 ngày 10 đêm, giá thuê là 1.000.000 đồng/ngày. Xe ô tô anh T7 thuê là xe con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu CHEVROLET-CRUZE, BKS 30Z-7405, anh T7 có giấy phép lái xe AP 047618 do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 14/7/2010. Khi thuê xe ô tô, anh T7 thế chấp 01 sổ hộ khẩu gia đình số 240507330 cấp ngày 26/4/2011 và đặt cọc 25.000.000 đồng. Công ty có giao xe cho anh T7, anh T7 đã nhận xe và lái xe ra Ngã Tư Vọng có Công ty của Bà H11 đang làm việc ở đó.

Công ty đã thu tiền thuê xe 10.000.000 đồng của anh T7, số tiền này được trừ vào số tiền vay 300.000.000 đồng.

Sau khi bàn giao xe ô tô xong, anh T7 gặp Bà H11 kế toán Công ty, trực tiếp ký hợp đồng vay tiền với bà PTMH11 ngày 27/4/2011, với nội dung: anh T7 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày tính từ ngày 27/4/2011 đến ngày 06/5/2011. Lãi suất 2.000 đồng/1triệu/1ngày. Lãi suất quá hạn 10.000 đồng/1triệu/1ngày. Anh T7 tự nguyện trả phí quản lý tài sản là 1.000 đồng/1triệu/1ngày. Đồng thời anh T7 ký 01 hợp đồng thế chấp tài sản với bà PTMH11 ngày 27/4/2011, tài sản thế chấp chính là chiếc xe ô tô anh T7 vừa ký hợp đồng thuê xe Công ty Vũ Hùng Phát để vay 300.000.000 đồng. Cùng thời điểm này anh T7 làm một Giấy cam kết vay của bà PTMH11 300.000.000 đồng.

Khi ký 3 hợp đồng trên, ông H6 là người lập cả 03 văn bản và lúc đó có cả Bà H11, anh T7, người làm chứng là anh Nguyễn Văn Đô, Lê Đình Cường ký vào 03 văn bản. Ông H6 là người trực tiếp giao 300.000.000 đồng cho anh T7.

Ba văn bản trên cùng với Hợp đồng về việc kế toán cầm tiền cho vay, Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái làm đồng thời cùng một lúc.

Khi vay Công ty chưa thu của anh T7 đồng nào. Thực chất anh T7 được cầm về là 290.000.000 đồng.

Trong quá trình vay anh T7 chưa trả được đồng nào cho Công ty tiền gốc và tiền lãi.

Nay, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T7 phải trả cho Công ty tính đến ngày 12/7/2021 là 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, 977.851.000 đồng tiền nợ lãi và các khoản chi phí khác là 66.309.000 đồng, tổng số 1.344.160.000 đồng.

Bị đơn anh LVT7 trình bày: anh và anh Nguyễn Văn Đô có quan hệ quen biết, do anh có nhu cầu vay tiền, được anh Đô giới thiệu có ông VXH6 có tiền cho vay. Anh không biết ông H6 là ai, mấy hôm sau anh Đô dẫn ông H6 đến nhà anh, ông H6 hỏi anh cần vay bao nhiêu, anh bảo cần vay 200.000.000 đồng. Ông H6 hỏi có hộ khẩu, chứng minh nhân dân và bằng lái xe ô tô không, anh bảo có. Ông H6 bảo anh ra nhà ông H6 làm thủ tục cho vay, có cả anh Đô đi cùng đến nhà ông H6 gần hồ Linh Đàm. Tại nhà ông H6, ông H6 bảo anh đưa hộ khẩu, chứng minh nhân dân, bằng lái xe gốc cho ông H6 để ông H6 làm thủ tục cho vay. Ông H6 bảo anh là muốn vay 200.000.000 đồng thì phải làm giấy thế chấp xe ô tô để vay 300.000.000 đồng, anh đồng ý. Thực tế anh không biết xe ô tô này là xe loại gì, của ai, anh không hề được nhận xe. Ông H6 chỉ nói với anh là, ông H6 sẽ làm thủ tục cho anh thuê 01 chiếc xe ô tô để lấy 300.000.000 đồng. Tiền thuê xe ô tô là 800.000 đồng/ngày. Tiền lãi của 300.000.000 đồng là 7000 đồng/1triệu/1ngày tức là 2.100.000 đồng/ngày/300.000.000 đồng. Như vậy cứ 10 ngày anh phải đóng cho ông H6 29.000.000 đồng (gồm tiền lãi của 300 triệu đồng và tiền thuê xe ô tô).

Tại nhà ông H6, ông H6 yêu cầu anh vào ký hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng vay tiền cùng ghi ngày 27/4/2011, đồng thời ông H6 đọc cho anh viết 01 giấy cam kết vay 300 triệu đồng cùng ghi ngày 27/4/2011, 03 loại giấy tờ trên đúng là chữ ký, chữ viết của anh, có anh Nguyễn Văn Đô và anh Lê Đình Cường làm chứng.

Khi làm hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp tài sản, ông H6 làm và bảo anh ký thì anh ký chứ anh không đọc lại, còn giấy cam kết ông H6 đọc cho anh viết thì anh viết chứ anh không biết và cũng không gặp bà PTMH11 là ai, từ đầu đến cuối anh chưa bao giờ gặp và làm việc với Bà H11.

Thực tế anh chỉ cầm về là 181.000.000 đồng vì ông H6 bảo anh không có gì để thế chấp thì ông ấy trừ 70.000.000 đồng, trừ 20.000.000 đồng tiền bảo lãnh xe không bị xây xước và 25.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Sau khi vay, anh đã trả ông H6 tất cả 5 lần: (4 lần mỗi lần 29 triệu đồng, 01 lần 25 triệu đồng), tổng cộng là 141.000.000 đồng. Khi trả anh phải mang đến tận nhà ông H6 trả. Vì lâu quá anh không nhớ là có đi cùng với ai không, khi trả ông H6 không viết giấy biên nhận gì.

Sau khi anh không có khả năng trả thì ông H6 đến nhà anh một hai lần, từ cuối 2011 ông H6 không đến nữa.

Nay, Công ty Vũ Hùng Phát khởi kiện, anh có quan điểm: anh chỉ vay ông H6 chứ không vay Công ty Vũ Hùng Phát, anh cũng không vay Bà H11. Anh vay ông H6 thì anh sẽ trả cho ông H6, anh vay 181 triệu đồng thì anh trả 181 triệu đồng.

Vì điều kiện hiện nay anh phải đi làm thuê nên không có khả năng trả nợ ngay, anh xin trả mỗi tháng 01 đến 02 triệu đồng tiền gốc, vì anh đã trả 141 triệu đồng vào tiền gốc và tiền lãi rồi, còn tiền lãi anh xin miễn toàn bộ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà PTMH11 đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc lần nào, nên không lấy được lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân quận HD10, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VHP1 đối với anh LVT7.
2. Buộc anh LVT7 phải thanh toán trả VHP1 tính đến ngày 12/7/2021 là: **709.670.000 đồng**, trong đó nợ gốc là 265.000.000 đồng và nợ lãi là 444.670.000 đồng.

Yêu cầu của Công ty Vũ Hùng Phát không được Tòa chấp nhận là **634.490.000 đồng**.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty Vũ Hùng Phát có đơn yêu cầu thi hành án, anh LVT7 hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, Công ty Vũ Hùng Phát kháng cáo về việc cấp sơ thẩm không chấp nhận cách tính lãi suất của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày tại phiên tòa hôm nay sau khi tính toán lại phía nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh LVT7 phải trả công ty Vũ Hùng Phát số tiền gốc là 300.000.000 đồng + tổng tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là 711.150.000 đồng + các chi phí khác 75.000.000 đồng = 1.086.150.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày sau khi tính toán lại không yêu cầu buộc anh LVT7 phải trả số tiền 258.010.000 đồng.

Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS: xem xét đình chỉ

đối với phần tiền nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu cầu là 258.010.000 đồng và sửa lại cách tuyên của bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 Tòa án nhân dân quận HĐ10, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn VHP nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai không có lý do, Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Vũ Hùng Phát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 27/4/2011 anh LVT7 cùng bà PTMH11 ký Hợp đồng vay tiền, với nội dung: anh T7 vay Bà H11 300.000.000 đồng (nguồn gốc số tiền này là của Công ty Vũ Hùng Phát đưa cho Bà H11 cho anh T7 vay), thời hạn vay là 10 ngày tính từ ngày 27/4/2011 đến ngày 06/5/2011, lãi suất 2.000 đồng/1triệu/1ngày. Lãi suất quá hạn 10.000 đồng/1triệu/1ngày. Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh T7 thế chấp 01 xe ô tô con 05 chỗ, hiệu hiệu CHEVROLET-CRUZE, BKS 30Z-7405 vừa thuê của Công ty. Nội dung hợp đồng vay tiền còn thể hiện, anh T7 tự nguyện trả phí quản lý tài sản 1.000 đồng/1triệu/1ngày. Cùng ngày 27/4/2011 bà PTMH11 và anh LVT7 ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, theo đó anh T7 thế chấp 01 xe ô tô con 05 chỗ, hiệu hiệu CHEVROLET-CRUZE, BKS 30Z-7405 cho Bà H11 để vay 300.000.000 đồng. Chiếc xe ô tô trên do anh T7 vừa ký hợp đồng thuê của Công ty Vũ Hùng Phát. Quá trình làm việc, anh T7 cho rằng anh không biết và không được nhận xe ô tô, việc ký hợp đồng thuê xe, sau đó thế chấp chính chiếc xe vừa thuê, chỉ là để hợp thức hóa đối với khoản cho vay. Như vậy, xe ô tô vừa thuê của của Công ty Vũ Hùng Phát, không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh LVT7. Căn cứ Điều 342, Điều 127 và Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Hợp đồng thế chấp tài sản giữa bà PTMH11 với anh LVT7 vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm xác lập.

Về hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, giữa Công ty TNHH hợp tác Quốc Tế thương mại Thăng Long (nay là Công ty TNHH Vũ Hùng Phát) với anh LVT7. Xét thấy, việc xác lập giao dịch thuê xe ô tô một cách giả tạo, nhằm che giấu một giao dịch vay nợ. Nên hợp đồng thuê ô tô tự lái trên vô hiệu ngay từ thời điểm giao dịch, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Trong quá trình vay, Công ty Vũ Hùng Phát cho rằng anh T7 chưa trả được đồng nào cả gốc và lãi. Anh T7 khẳng định anh đã trả cho ông H6 tất cả 5

lần: 4 lần mỗi lần 29 triệu đồng, 01 lần 25 triệu đồng, tổng cộng là 141.000.000 đồng. Khi trả anh phải mang đến tận nhà ông H6, ông H6 nhận nhưng không viết giấy biên nhận gì.

Tại cấp sơ thẩm Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T7 phải trả cho Công ty tính đến ngày 12/7/2021 là 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, 977.851.000 đồng tiền nợ lãi và các khoản chi phí khác là 66.309.000 đồng, tổng số 1.344.160.000 đồng. Tại Đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn chỉ đề nghị anh T7 phải thanh toán số tiền gốc là 300.000.000 đồng + tổng tiền lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là 711.150.000 đồng + các chi phí khác 75.000.000 đồng = 1.086.150.000 đồng.

Anh LVT7 chỉ thừa nhận vay ông H6 181.000.000 đồng thì anh trả 181.000.000 đồng và anh xin trả mỗi tháng 01 đến 02 triệu đồng tiền gốc vì anh đã trả 141.000.000 đồng vào tiền gốc và tiền lãi rồi, còn tiền lãi anh xin miễn toàn bộ. Anh LVT7 xin xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm nên không có ý kiến về việc công ty Vũ Hùng Phát thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện tại cấp sơ thẩm yêu cầu anh trả 1.344.160.000 đồng nay còn 1.086.150.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản nợ gốc: Đại diện theo ủy quyền VHP ông H6 khẳng định cho anh T7 vay 300.000.000 đồng, anh T7 đã nhận đủ 300.000.000 đồng. Anh T7 công nhận trên các giấy tờ văn bản anh đã ký, đều thể hiện số tiền anh vay là 300.000.000 đồng, nhưng thực tế anh chỉ cầm về là 181.000.000 đồng vì ông H6 bảo anh không có gì để thế chấp thì ông H6 trừ 70.000.000 đồng, trừ 20.000.000 đồng tiền bảo lãnh xe không bị xây xước và 25.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Sau khi vay anh đã trả ông H6 tất cả 5 lần: 4 lần mỗi lần 29 triệu đồng, 01 lần 25 triệu đồng, tổng cộng là 141.000.000 đồng, khi trả ông H6 không viết giấy biên nhận gì. Nay anh T7 không đưa ra được chứng cứ gì khác, nên không có căn cứ để xác định anh T7 chỉ được cầm về 181.000.000 đồng.

Nay Công ty Vũ Hùng Phát, yêu cầu anh T7 phải trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc. Xét thấy, khi ký hợp đồng thế chấp anh T7 đặt cọc 25.000.000 đồng và trong hợp đồng thuê xe ô tô, tiền thuê xe 10 ngày đêm là 10.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải, Công ty và anh T7 đều thừa nhận tiền thuê xe ô tô Công ty đã thu 10.000.000 đồng và tại cấp phúc thẩm đại diện nguyên đơn vẫn xác nhận Công ty có nhận hai khoản tiền này phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ. Cấp sơ thẩm xác định, hợp đồng thế chấp và hợp đồng thuê xe ô tô vô hiệu là đúng pháp luật nên số tiền 25.000.000 đồng và 10.000.000 đồng vẫn thuộc về anh T7. Như vậy, tiền nợ gốc anh T7 phải trả Công ty là 300.000.000 đồng - 25.000.000 đồng - 10.000.000 đồng = **265.000.000 đồng**.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc: Hợp đồng vay tài sản giữa Bà H11 với anh T7 là Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Tại thời điểm cho vay, mức lãi suất trong hạn được thỏa thuận trong hợp đồng là

2.000 đồng/1triệu/1ngày, tức là 6%/tháng và 72%/năm; Lãi suất quá hạn 10.000 đồng/1triệu/1ngày, tức 30%/tháng và 360%/năm là quá cao, không phù hợp với quy định của pháp luật. Bản án dân sự sơ thẩm xác định lại mức lãi suất theo 02 giai đoạn có hiệu lực của Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015 là phù hợp với quy định cụ thể:

Giai đoạn 1, từ ngày cho vay (ngày 01/6/2011) đến khi Bộ luật dân sự năm 2005 hết hiệu lực (ngày 31/12/2016) theo Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất vay là 13,5%/năm, tức 1,13%/tháng và 0,04%/ ngày.

Giai đoạn 2, từ ngày 01/01/2017 khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, thì mức lãi suất thỏa thuận được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, tức 1,67%/tháng và 0,06%/ngày.

Số tiền lãi anh T7 phải trả Công ty Vũ Hùng Phát, kể từ khi vay đến ngày 12/7/2021 là: 203.944.000 đồng + 240.726.000 đồng = **444.670.000 đồng**.

Như vậy, anh T7 còn phải trả Công ty Vũ Hùng Phát cả gốc và lãi tính đến ngày 12/7/2021 là: **709.670.000 đồng**, trong đó nợ gốc là 265.000.000 đồng và nợ lãi là 444.670.000 đồng.

Cấp sơ thẩm xác định: Việc Công ty Vũ Hùng Phát yêu cầu anh T7 phải thanh toán trả tất cả là 1.344.160.000 đồng chỉ được chấp nhận một phần là 709.670.000 đồng (nợ gốc là 265.000.000 đồng và nợ lãi là 444.670.000 đồng). Yêu cầu của Công ty Vũ Hùng Phát không được Tòa chấp nhận số tiền **634.490.000 đồng** là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm đại diện nguyên đơn trình bày sau khi tính toán lại Công ty Vũ Hùng phát chỉ đề nghị anh T7 phải thanh toán số tiền là 1.086.150.000 đồng mà không phải số tiền 1.344.160.000 đồng như đã yêu cầu tại cấp sơ thẩm, số tiền chênh lệch giảm xuống là 258.010.000 đồng. Tuy nhiên, anh T7 không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến về việc này. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét này của nguyên đơn.

Xét việc Công ty Vũ Hùng Phát yêu cầu anh T7 phải thanh toán trả các khoản chi phí khác theo Điều 5 của Hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2011. Cụ thể, Điều 5 quy định về Trách nhiệm chi trả những phí tổn liên quan đến hợp đồng bao gồm chi phí làm đơn kiện tụng, chi phí đi lại, bảo quản tài sản... *Bên B (anh Phú) xin cam kết phải có trách nhiệm thanh toán cho Bên A và pháp luật, thấy rằng: Bộ luật dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm xác lập hợp đồng) có quy định về Hợp đồng vay tài sản tại Điều 471: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Theo Điều luật này thì nghĩa vụ đối với bên vay là “hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng” và “phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Trong vụ án này, bên vay là anh T7 đã phải trả gốc và trả lãi đó là nghĩa vụ dân sự; nếu chấp nhận yêu cầu của*

Công ty Vũ Hùng Phát về các khoản chi phí khác thì anh T7 phải chịu trách nhiệm (nghĩa vụ) dân sự 2 lần cho cùng một hành vi vi phạm nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng vay tài sản là không phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, như đã phân tích ở trên hợp đồng thế chấp cũng như hợp đồng thuê xe giữa công ty và anh T7 là vô hiệu do giả tạo nên anh T7 không có nghĩa vụ bảo quản tài sản.

Mặt khác, xem xét yêu cầu về các khoản chi phí khác của Công ty Vũ Hùng Phát theo góc độ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thấy rằng: Theo Điều 604 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: *“Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.”*. Trong vụ án này, người vay không xâm phạm tài sản của Công ty Vũ Hùng Phát bởi: Tài sản của Công ty Vũ Hùng Phát là khoản tiền cho vay đã giao hợp pháp cho anh T7 khi thực hiện hợp đồng cho vay tài sản. Theo Điều 472 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì *“Bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó”*. Chiếu theo quy định của Điều luật này thì khoản tiền cho vay không còn là tài sản của Bên cho vay là Công ty Vũ Hùng Phát.

Như vậy, xem xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Vũ Hùng Phát về việc anh T7 phải thanh toán trả các khoản chi phí khác theo 2 góc độ trong hợp đồng và ngoài hợp đồng đều không có cơ sở để chấp nhận; Bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về các khoản chi phí khác của Công ty Vũ Hùng Phát là đúng quy định của pháp luật.

VHP1 và anh T7 đều xác nhận Công ty Vũ Hùng Phát đang giữ 01 chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình số 240507330 cấp ngày 26/4/2011 anh LVT7. Nên công ty có trách nhiệm trả anh T7 những giấy tờ trên.

Bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét, đánh giá; tính đúng, tính đủ số tiền vay, số tiền đã trả; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về lãi suất để giải quyết vụ án;

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Vũ Hùng Phát. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án cần phải ghi rõ phần số tiền bằng chữ, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí:

-Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

-Án phí phúc thẩm: Vì bản án sơ thẩm sửa nên VHP1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 147, Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 162; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VHP1 đối với anh LVT7.

2. Buộc anh LVT7 phải thanh toán trả VHP1 theo hợp đồng vay nợ ngày 27/4/2011 tính đến ngày 12/7/2021 là: **709.670.000đ** (*Bảy trăm linh chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 265.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) và nợ lãi là 444.670.000đ (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Yêu cầu của VHP1 không được Tòa chấp nhận là **634.490.000đ** (*Sáu trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty Vũ Hùng Phát có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh LVT7 hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Buộc VHP1 phải trả lại anh LVT7 01 chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình số 240507330 cấp ngày 26/4/2011.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh LVT7 phải chịu 32.386.800đ (*Ba mươi hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*).

+ VHP1 phải chịu 29.379.600đ (*Hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*). Công ty Vũ Hùng Phát đã nộp 23.000.000đ (*Hai mươi ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009199 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ10. Công ty Vũ Hùng Phát còn phải nộp tiếp **6.379.600đ** (*sáu triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả Công ty TNHH Vũ Hùng số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009320 ngày 27/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ10, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận HĐ10;
- Chi cục THADS quận HĐ10;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Anh